

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/KDTM-ST

Ngày: 26-6-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân và bà Bùi Lê Phương Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quốc Cường, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Diệu Hào, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 455/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (A); địa chỉ: Số D N, phường E, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiên P, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Quản lý nợ (Văn bản ủy quyền số 1285/UQ-QLN.22 ngày 05/7/2022).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Dương Đức T, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, địa chỉ: Số B đường T, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và bà Xà Thị Bích H, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Số B đường B, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền số 1635/UQ-QLN.23 ngày 04/10/2023). Ông T có mặt, bà H vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Vĩnh Q, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Hoàng Thụy V, sinh năm 1982; cùng địa chỉ: Số C đường P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Ông Nguyễn Vĩnh H1, sinh năm 1974;

địa chỉ: Số C đường P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Bà Tăng Tôn Nữ Thị Kim P1**, sinh năm 1949; địa chỉ: Số C đường P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P1: Ông Nguyễn Vĩnh H1, sinh năm 1974; địa chỉ: Số C đường P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/10/2022, bà Nguyễn Hoàng Thụy V, ông Nguyễn Vĩnh Q và Ngân hàng Thương mại cổ phần Á ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số HUE.CN.3075.111022. Theo đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần Á cho vay số tiền 4.000.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng; mục đích cho vay sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động ... Đồng thời, ngày 24/12/2022, ông Nguyễn Vĩnh Q và Ngân hàng đã ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân để cấp thẻ tín dụng dành cho ông Nguyễn Vĩnh Q với hạn mức thẻ là 100.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho tất cả các khoản vay trên cho bà Nguyễn Hoàng Thụy V và ông Nguyễn Vĩnh Q, bà Tăng Tôn Nữ Thị Kim P1 đã thế chấp quyền sử dụng đất của mình tại thửa đất số 265 (11-1), tờ bản đồ số 12, diện tích 226m², tọa lạc tại địa chỉ số C đường P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với số CC 454091 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Tăng Tôn Nữ Thị Kim P1 ngày 22/8/2016 và tài sản trên đất là 02 căn nhà (gồm căn nhà có 03 tầng và căn nhà có 04 tầng đều do bà Tăng Tôn Nữ Thị Kim P1 xây dựng).

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng Thương mại cổ phần Á đã giải ngân đầy đủ số tiền vay cho bị đơn bằng các Khế ước nhận nợ số 01/HUE.CN.3075.111022, số 02/HUE.CN.3075.111022, số 03/HUE.CN.3075.111022, số 04/HUE.CN.3075.111022 và số 05/HUE.CN.3075.111022. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện trả nợ theo đúng cam kết. Vào các ngày 01/5/2023, ngày 07/5/2023, ngày 28/6/2023 và ngày 11/7/2023, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ dư nợ gốc chưa thanh toán của các Khế ước nhận nợ số 01, 02, 03, 04; ngày 07/8/2023, Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ trước hạn của Khế ước nhận nợ số 05; ngày 07/8/2023, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn đối với thẻ tín dụng.

Tính đến ngày 26/6/2024, bà Nguyễn Hoàng Thụy V và ông Nguyễn Vĩnh Q còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền là 4.977.508.476 đồng, trong đó nợ gốc là 4.111.880.655 đồng, lãi trong hạn là 122.671.103 đồng; lãi quá hạn là 732.247.809 đồng; phạt chậm trả lãi là 10.708.909 đồng. Ngân hàng Thương mại cổ phần Á yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Hoàng Thụy V và ông Nguyễn Vĩnh Q liên

đổi trả hết số tiền còn nợ nói trên và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/6/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ với mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo các hợp đồng đã ký kết.

Nếu bà Nguyễn Hoàng Thụy V và ông Nguyễn Vĩnh Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì căn cứ vào Hợp đồng thế chấp tài sản mà các bên đã ký kết, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp đã xử lý các tài sản thế chấp nhưng vẫn không đủ trả hết khoản nợ, thì buộc bà V, ông Q có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á đến khi hết nợ.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Đề nghị bị đơn phải chịu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Hoàng Thụy V trình bày: Bà Nguyễn Hoàng Thụy V, ông Nguyễn Vĩnh Q và Ngân hàng Thương mại cổ phần Á có ký kết Hợp đồng cấp tín dụng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân đúng như nguyên đơn trình bày. Đối với hợp đồng cấp thẻ tín dụng đúng tên của ông Q nhưng là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân, ông Q sử dụng để lấy vốn cho vợ chồng làm ăn nên trách nhiệm trả nợ sẽ do ông Q và bà V cùng nhau trả nợ. Do gặp quá nhiều khó khăn trong công việc, không có thu nhập để trả đầy đủ nợ theo định kỳ cho ngân hàng nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Á khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ thì bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bị đơn đồng ý chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tăng Tôn Nữ Thị Kim P1 trình bày: Bà Tăng Tôn Nữ Thị Kim P1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần Á có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay của bà Nguyễn Hoàng Thụy V và ông Nguyễn Vĩnh Q đúng như nguyên đơn trình bày. Nếu phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì bà P1 đồng ý để Ngân hàng xử lý các tài sản thế chấp của bà để Ngân hàng thu hồi nợ là quyền sử dụng đất của mình tại thửa đất số 265 (11-1), tờ bản đồ số 12, diện tích 226m², tọa lạc tại địa chỉ số C đường P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với số CC 454091 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Tăng Tôn Nữ Thị Kim P1 ngày 22/8/2016 và tài sản trên đất là 02 căn nhà (gồm căn nhà có 03 tầng và căn nhà có 04 tầng đều do bà Tăng Tôn Nữ Thị Kim P1 xây dựng).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông Nguyễn Vĩnh Q nhưng ông Q vẫn không đến làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai, cũng như công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn ông Nguyễn Vĩnh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng với quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 280, 299, 317, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Đề nghị bị đơn phải chịu.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng thì khách hàng vay của tổ chức tín dụng là cá nhân và pháp nhân, do đó Hộ kinh doanh cá thể không phải là đối tượng vay của các tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, tại khoản 5 Điều 2 của Thông tư nói trên quy định “*Cho vay phục vụ hoạt động kinh doanh, hoạt động khác (sau đây gọi là hoạt động kinh doanh) là việc tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng là pháp nhân, cá nhân nhằm đáp ứng nhu cầu vốn ngoài quy định tại khoản 4 Điều này, bao gồm nhu cầu vốn của pháp nhân, cá nhân đó và nhu cầu vốn của hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân mà cá nhân đó là chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân*”. Trong các hợp đồng tín dụng nguyên đơn đang khởi kiện, ông Nguyễn Vĩnh Q và bà Nguyễn Hoàng Thụy V đứng tên cá nhân để vay vốn phục vụ cho hộ gia đình có đăng ký kinh doanh. Như vậy, bị đơn là cá nhân có đăng ký kinh doanh với hình thức hộ kinh doanh, bị đơn vay vốn với mục đích bổ sung vốn kinh doanh cả hai bên giao kết hợp đồng tín dụng đều có mục đích lợi nhuận. Vì vậy, tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa các đương sự là một loại tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án xác định loại việc tranh chấp là dân sự và thụ lý tranh chấp dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn có xuất trình Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nên mới phát hiện được vụ án thuộc tranh chấp về kinh doanh, thương mại, không phải tranh chấp về dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung nhưng ghi số, ký hiệu và trích yếu trong bản án theo đúng hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về loại án kinh doanh thương mại.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Á khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Vĩnh Q và bà Nguyễn Hoàng Thụy V phải trả số tiền còn nợ cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; ông Q và bà V có địa chỉ nơi cư trú tại thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Huế thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa ngày 21/5/2024, bị đơn là ông Nguyễn Vĩnh Q vắng mặt lần thứ nhất nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định lại thời gian mở lại phiên tòa. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn là ông Nguyễn Vĩnh Q vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Q.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ông Nguyễn Vĩnh Q và bà Nguyễn Hoàng Thụy V đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Hợp đồng cấp tín dụng số HUE.CN.3075.111022. Ông Q đã ký kết với Ngân hàng Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân để cấp thẻ tín dụng. Bà Nguyễn Hoàng Thụy V cũng xác định hợp đồng cấp thẻ tín dụng đứng tên của ông Q nhưng là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân, ông Q sử dụng để lấy vốn cho vợ chồng làm ăn nên trách nhiệm trả nợ sẽ do ông Q và bà V cùng nhau trả nợ. Để đảm bảo cho khoản vay của ông Q và bà V, bà Tăng Tôn Nữ Thị Kim P1 và Ngân hàng đã ký kết Hợp đồng thế chấp bất động sản số HUE.BĐCN.31.270921 ngày 27/9/2021. Tất cả các hợp đồng này được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức, hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký thế chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, các hợp đồng tín dụng, cấp thẻ tín dụng và hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực pháp luật. Do ông Nguyễn Vĩnh Q, bà Nguyễn Hoàng Thụy V vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng Thương mại cổ phần Á khởi kiện là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Tính đến ngày 26/6/2024, bà Nguyễn Hoàng Thụy V và ông Nguyễn Vĩnh Q còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền là 4.977.508.476 đồng, trong đó nợ gốc là 4.111.880.655 đồng, lãi trong hạn là 122.671.103 đồng; lãi quá hạn là 732.247.809 đồng; phạt chậm trả lãi là 10.708.909 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 27/6/2024, ông Nguyễn Vĩnh Q, bà Nguyễn Hoàng Thụy V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo: Theo cam kết của bên thế chấp và bên nhận thế chấp tài sản thì bên thế chấp đồng ý dùng toàn bộ tài sản thế chấp (bao gồm tài sản hình thành trước và sau khi ký hợp đồng thế chấp) để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo đảm với ngân hàng. Do đó, trong trường hợp ông Nguyễn Vĩnh Q và bà Nguyễn Hoàng Thụy V không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất

động sản số HUE.BĐCN.31.270921 ngày 27/9/2021 được xử lý để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản thế chấp đã xử lý nhưng không đủ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á thì ông Nguyễn Vĩnh Q, bà Nguyễn Hoàng Thụy V có nghĩa vụ trả tiếp số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.900.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp số tiền tạm ứng là 4.000.000 đồng. Do bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông Nguyễn Vĩnh Q và bà Nguyễn Hoàng Thụy V có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á số tiền là 1.900.000 đồng. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.100.000 đồng.

[5] Về án phí:

- Ông Nguyễn Vĩnh Q và bà Nguyễn Hoàng Thụy V phải chịu 112.000.000 đồng + $(0,1\% \times 977.508.476 \text{ đồng}) = 112.977.508$ đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.177.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001327 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 299, 317, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức Tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q1;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Vĩnh Q chủ hộ kinh doanh V và bà Nguyễn Hoàng Thụy V liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á tổng số tiền là 4.977.508.476 đồng, trong đó nợ gốc là 4.111.880.655 đồng, lãi trong hạn là 122.671.103 đồng; lãi quá hạn là 732.247.809 đồng; phạt chậm trả lãi là 10.708.909 đồng.

Kể từ ngày 27/6/2024, ông Nguyễn Vĩnh Q và bà Nguyễn Hoàng Thụy V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Vĩnh Q chủ hộ kinh doanh V và bà Nguyễn Hoàng Thụy V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên, Ngân hàng Thương mại cổ phần Á có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất của bà Tăng Tôn Nữ Thị Kim P1 tại thửa đất số 265 (11-1), tờ bản đồ số 12, diện tích 226m², tọa lạc tại địa chỉ số C đường P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với số CC 454091 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Tăng Tôn Nữ Thị Kim P1 ngày 22/8/2016 và tài sản trên đất là 02 căn nhà do bà Tăng Tôn Nữ Thị Kim P1 xây dựng (gồm căn nhà có 03 tầng và căn nhà có 04 tầng) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số HUE.BĐCN.31.270921 ngày 27/9/2021 đã được ký kết giữa bà P1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần Á để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản thế chấp đã xử lý nhưng không đủ thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á thì ông Nguyễn Vĩnh Q, bà Nguyễn Hoàng Thụy V có nghĩa vụ liên đới trả tiếp số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

- Ông Nguyễn Vĩnh Q và bà Nguyễn Hoàng Thụy V có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á số tiền là 1.900.000 đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.100.000 đồng.

3. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Vĩnh Q chủ hộ kinh doanh V và bà Nguyễn Hoàng Thụy V phải chịu 112.977.508 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.177.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001327 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu dân án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hằng

